

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-PT

Ngày: 01-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 106/2017/HSPT ngày 21 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

- Bị cáo có kháng cáo: NGUYỄN HOÀNG K (C)

Sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ổi E; tiền án: không; tiền sự: có 02 tiền sự. Ngày 30/01/2015, bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản người khác, chưa nộp phạt. Ngày 10/11/2015 bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000 đồng về hành vi gây mất trật tự ở khu dân cư, chưa nộp phạt. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng K và Thái Văn L cùng ngụ ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre có quen biết nhau từ trước. Vào tối ngày 15/7/2017, K và ông L cùng tham gia uống bia

tại nhà của Nguyễn Văn Q, tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, ông L ra về, K điều khiển xe mô tô biển số xxSx - xxxx theo hướng từ chợ B đi Trại giam B để mua thuốc hút, K thấy ông L điều khiển xe đạp điện cùng chiều phía trước đang dừng xe để mời thuốc hút. K điều khiển xe chạy đến để hỏi mua vé số của ông L, nhưng ông L không trả lời. K nhìn thấy trong túi quần bên trái của ông L có để 01 cái bóp nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông L. Khi ông L điều khiển xe về hướng Trại giam B, K điều khiển xe mô tô đuổi theo đến khu vực thuộc ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre thì đuổi kịp xe ông L, nhưng do tốc độ nhanh nên xe của K chạy qua mặt xe của ông L. Sau đó, K quay xe lại chạy ngược chiều rồi ép sát xe ông L, K dùng chân trái đạp vào ghế ngồi phía sau của xe ông L, làm xe đạp và ông L ngã xuống lề cỏ. Sau đó K dựng xe đi đến nắm sợi dây buộc cái bóp giật mạnh lấy cái bóp của ông L rồi lên xe bỏ đi. Khi đến cầu X, K dừng xe, lấy bóp của ông L ra kiểm tra bên trong bóp có 1.640.000 đồng, K lấy tiền rồi ném bỏ cái bóp xuống sông; K tiếp tục chạy đến hiện trường, ông L nhận ra K là người vừa cướp cái bóp của ông L, nhưng K không thừa nhận nên cả hai cự cãi, trong lúc cự cãi K dùng chân đá ông L 01 cái và lấy đèn pin ra mở chức năng nẹt tia lửa điện để hù dọa ông L. Sau đó, K chạy đến nhà Q uống bia một lúc rồi về nhà ngủ.

Cơ quan điều tra tạm giữ các tài liệu, đồ vật sau:

* Từ Nguyễn Hoàng K:

- 01 cái bóp bằng vải cứng màu da bò (vàng sậm) đã cũ, bị rách nhiều nơi, trong tình trạng bị ướt do thấm nước, góc bóp có 01 khoen bằng kim loại, trên khoen có buộc 04 sợi dây nilon được thắt lại thành một sợi; bên trong bóp có 01 tấm hình người đàn ông đã cũ, khổ (02 x 03)cm, phía sau có chữ Thái Văn L 1955 và 03 tờ giấy có ghi nhiều chữ số. K thừa nhận cái bóp trên là cái bóp do K chiếm đoạt của ông L, sau khi lấy tiền K ném bỏ xuống sông, vào ngày 18/7/2017 K cùng mẹ ruột là bà Huỳnh Thị Ôi E bơi ghe đi tìm được và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

+ Tiền Việt Nam 400.000 đồng. K trình bày chiếm đoạt của ông L số tiền 1.640.000 đồng, K tiêu xài cá nhân còn lại 400.000 đồng.

+ 01 đèn pin, vỏ màu đen, dài 18cm, đường kính đầu chiếu sáng 3,50cm, đường kính thân 2,80cm; đèn có hai chức năng: chức năng chiếu sáng, chức năng tạo ra tiếng nổ và tia lửa điện.

+ 01 cái quần short vải jeans, màu xanh; 01 áo thun, màu xanh.

+ 01 xe mô tô biển số xxSx - xxxx.

* Từ Thái Văn L: 01 quần short vải kaki, màu xám đen; 01 áo thun tay ngắn sọc caro đen – trắng – xanh.

Xe mô tô biển số xxSx - xxxx mà Nguyễn Hoàng K sử dụng để thực hiện hành vi cướp tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn K (anh ruột của K), K cho K mượn làm phương tiện đi lại trước đó. Việc K sử dụng xe mô tô trên để cướp tài sản ông K

không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển số xxSx - xxxx cho Nguyễn Văn K.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Thái Văn L số tiền 400.000 đồng. Ông L yêu cầu Nguyễn Hoàng K tiếp tục bồi thường số tiền 1.240.000 đồng. K đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông L và đã bồi thường xong. Ông L không yêu cầu gì khác và có đơn xin bãi nại cho K.

Cơ quan điều tra đã trả lại 01 cái bóp, 01 tấm hình, 03 tờ giấy có ghi nhiều chữ số, 01 quần short, 01 áo thun cho ông Thái Văn L; trả lại 01 quần short, 01 áo thun cho Nguyễn Hoàng K.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HS-ST ngày 10-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng K phạm “Tội cướp tài sản”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là 11/8/2017;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20-11-2017 bị cáo Nguyễn Hoàng K kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp.

- Về nội dung: Bị cáo dùng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi cướp tài sản của người bị hại là 01 cái bóp bên trong bóp có số tiền 1.640.000 đồng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng K phạm “Tội cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật; mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K 06 (sáu) năm tù về “Tội cướp tài sản”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo,

kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: Xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hoàng K khai nhận hành vi cướp tài sản của ông Thái Văn L phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: Khoảng 21 giờ ngày 15/7/2017, tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Hoàng K đã dùng xe mô tô làm phương tiện đuổi theo ông Thái Văn L, K dùng chân trái đạp vào ghế ngồi phía sau của xe ông L làm xe đạp và ông L ngã xuống lề cỏ, K thực hiện hành vi cướp tài sản của ông L là 01 cái bóp bên trong có số tiền 1.640.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng K phạm “Tội cướp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tiền sự nhưng vẫn chưa chấp hành mà còn tiếp tục phạm tội một cách công khai, liêu lĩnh; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc truy tìm vật chứng để giao nộp cho Cơ quan điều tra góp phần làm sáng tỏ, kết thúc vụ án nhanh chóng, đã bồi thường thiệt hại xong cho người bị hại, người bị hại có đơn bãi nại và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 06 năm tù.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo có nhân thân xấu, đã có 02 tiền sự, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản của người khác và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự ở khu dân cư nhưng không chịu cải sửa bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó minh chứng bị cáo là người khó cải tạo giáo dục; bị cáo sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ý thức được rằng nếu đang chạy xe thì khó chiếm đoạt được tài sản của người bị hại, nên bị cáo ép sát xe và dùng chân đạp vào xe của người bị hại

làm người bị hại té ngã để thực hiện hành vi cướp tài sản, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp biên lai đóng tiền phạt của 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính trước đó nhưng vẫn thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt; bị cáo còn cung cấp giấy truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng của bà Nguyễn Thị M, Tổ quốc ghi công của ông Huỳnh Văn Đ, Huy chương kháng chiến của bà Nguyễn Thị C, tuy nhiên bị cáo không cung cấp xác nhận về mối quan hệ giữa bị cáo với những người này nên không có cơ sở để xem xét; ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 tuyên xử bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy các quyết định của Bản án sơ thẩm có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 37/2017/HSST ngày 10-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K 06 (sáu) năm tù về “Tội cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2017.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo Nguyễn Hoàng K phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an thành huyện Giồng Trôm (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Giồng Trôm, bị cáo (2b);
- TAND huyện Giồng Trôm (3b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Tôn Văn Thông